

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày 29-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy.
2. Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ni, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Th, tên gọi khác: M, sinh năm 1991; tại: Hà Tiên, Kiên Giang.

Nơi cư trú: Khu phố M, phường P, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang,

Chỗ ở hiện nay: Khu phố H, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Th (đã chết) và bà Phạm Thị Th; có chồng và 02 con; tiền án: 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 03/2013/HSST ngày 06/12/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang và bản án số 12/2014/HSST ngày 22/01/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang (đã chấp hành xong); tiền sự: không; nhân thân: 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích; bị bắt tạm giữ ngày 10/9/2018 đến ngày 19/9/2018; ngày 19/9/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Chị Hà M, sinh năm 1994; nơi cư trú: số 46, Cầu Câu, khu phố M, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang (có mặt).
- Người tham gia tố tụng khác:
 - + Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ 15, khu phố M, phường P, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang (có mặt).
 - + Người làm chứng: Anh Đặng Văn Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Th khai nhận: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/9/2018 bị cáo Nguyễn Thị Th điều khiển xe máy biển kiểm soát 68H1-133.15 (xe do mẹ ruột bị cáo là bà Phạm Thị Th đứng tên) đến chỗ ông T để mua bánh Bao cho con. Khi chở về bị cáo ghé quán mì HM thuộc đường Cầu Câu, khu phố M, phường B, thị xã H (nay là thành phố H) để mua nước uống nhãn hiệu Trà Xanh 0°. Tại đây bị cáo phát hiện trên bàn đặt bên tay phải gần cửa ra vào nhà có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, có dây cắm tai nghe của chị Hà M. Sau khi chị Hà M trả lại tiền thối cho bị cáo và đi vào trong nhà; bị cáo quan sát thấy không có người để ý và trông coi; bị cáo liền dùng hai tay, tay trái nắm lấy điện thoại, tay phải nắm lấy dây cắm tai nghe và rút dây cắm tai nghe ra lấy điện thoại bỏ trong túi xách màu đỏ đang đeo trên người rồi lập tức lên xe nhanh chóng rời khỏi hiện trường. Bị cáo điều khiển xe chạy đến khu vực đồng hồ bốn mặt thì dừng xe lại lấy điện thoại ra tắt nguồn và đi đến tiệm điện thoại Đức Ng thuộc khu phố M, phường B, thị xã H (nay là thành phố H) do anh Đặng Văn Đ làm chủ thuê chạy lại chương trình. Sau khi phát hiện mất điện thoại chị Hà M trình báo Công an phường B. Qua xác minh và mời bị cáo lên làm việc bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Vật chứng vụ án thu giữ: 01 (Một) điện thoại di động Iphone 6S Plus16GB, màu vàng (đã qua sử dụng); Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang đã trả lại cho bị hại chị Hà M.

Tại Biên bản số 13/BB-HĐ ngày 13/9/2018 và Bản kết luận định giá về giá trị tài sản số 13/BB-HĐ ngày 13/9/2018 kết luận: Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus 16GB, màu vàng (đã qua sử dụng) trị giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Trách nhiệm dân sự: Chị Hà M không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm thiệt hại, do tài sản bị mất cắp đã được nhận lại và không có thêm thiệt hại nào khác.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSHT ngày 31/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang; Truy tố bị cáo

Nguyễn Thị Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang tiếp tục giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th với mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) 06 (Sáu) tháng tù.

- Đề nghị ghi nhận biên bản xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát Điều tra - Công an thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên) đối với bị hại chị Hà M.

- Đề nghị ghi nhận việc bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm thiệt hại nào khác.

- Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị Th không có ý kiến tranh luận.

Bị hại chị Hà M có ý kiến tranh luận là xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Thị Th có lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, vì rất hối hận do hành vi phạm tội mà mình gây ra và cam kết không còn phạm tội lần sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra - Công an thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị Th hoàn toàn nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của bị hại chị Hà M; đó là một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus 16GB, màu vàng trị giá 6.000.000 đồng; phù hợp với kết luận định giá tài sản; biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung bị can tại Cơ quan điều tra (Bút lục số 43, 44, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93 và 94).

Theo Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c)...

g) Tái phạm nguy hiểm;

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Th hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình; phù hợp với lời khai của bị hại, người có liên quan, vật chứng và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, trực tiếp xâm hại đến tài sản của bị hại chị Hà M và còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, xét thấy bị cáo phạm tội và cần thiết ra bản án buộc tội đối với bị cáo mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Theo Kiểm sát viên luận tội và đề nghị áp dụng mức hình phạt và xử lý các vấn đề liên quan đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng chính sách pháp luật.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị Th sau khi phát hiện hành vi phạm tội và trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại toàn bộ cho người bị hại; đồng thời, bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt phần nào cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo đã có 02 tiền án do phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên) xét xử và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo; cụ thể theo bản án số 12/2014/HSST ngày 22/01/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên) đã xét xử đối với bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích; nay tiếp tục phạm tội trộm cắp do cố ý được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự là tái phạm nguy hiểm. Đây là tình tiết

tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”; do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy bị cáo chỉ mới có nghề nghiệp mua bán, thu nhập thấp và không ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Tại biên bản ngày 17/9/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), về việc trả lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt cho chủ sở hữu chị Hà M theo đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Hà M không yêu cầu bị cáo Th bồi thường thêm thiệt hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 68H1-133.15 do bà Phạm Thị Th (mẹ ruột bị cáo) đứng tên chủ sở hữu và hiện tại bà đang quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 2 Điều 53 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Thị Th 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt tù. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 19/9/2018.

2. Về vật chứng vụ án:

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; ghi nhận biên bản ngày 17/9/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), về việc trả lại tài sản là 01 (Một) điện thoại di động Iphone 6S Plus 16GB, màu vàng (đã qua sử dụng) cho bị hại chị Hà M.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại chị Hà M không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Th bồi thường thêm thiệt hại.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm

ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang (Phòng HS);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Hà Tiên;
- Bị cáo;
- Bị hại và người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Vân